

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/DS-PT

Ngày: 28-4-2022

V/v *Tranh chấp hợp đồng dân sự  
vay tài sản*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Nguyệt

*Các Thẩm phán:*

Ông Nguyễn Văn Thanh

Ông Đặng Ngọc Bình

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Ngọc Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 88/2021/DS-ST ngày 01/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐ-PT ngày 07/02/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Vợ chồng ông **Nguyễn Xuân H**, sinh năm 1963

**Bà Kiều Thị H**, sinh năm 1968

Địa chỉ: số 103 thôn L, xã T, huyện L, Lâm Đồng

*Người đại diện theo uỷ quyền của ông Hải, bà H:* bà Phạm Thị D, sinh năm 1963. Địa chỉ: số 789 H, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (*theo giấy uỷ quyền ngày 07-1-2022*).

*Bị đơn:* Vợ chồng ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1967

**bà Nguyễn Thị H**, sinh năm 1970

Địa chỉ: thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng

Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị H – bị đơn

(*Bà D, bà H1 có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt*)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án phía nguyên đơn trình bày:*

Năm 2014, vợ chồng ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị H có nhận gửi của vợ chồng ông Nguyễn Xuân H, bà Kiều Thị H 12 tấn cà phê nhân khô loại Robusta. Cuối năm 2015, ông Nguyễn Xuân H, bà Kiều Thị H đến chốt bán thì mới biết là ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị H đã bán cà phê của ông Nguyễn Xuân H, bà Kiều Thị H. Do không có tiền trả nên ngày 06/4/2016, hai bên đã thống nhất quy số cà phê ra thành tiền là 400.000.000đ và chuyển sang tiền vay với lãi suất là 1,5%/tháng, hạn trả là 30/12/2016. Khi giao dịch đều có mặt ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị H nhưng khi ký giấy vay tiền thì một mình bà H1 ký và bà H1 ký thay cho cả ông H1. Sau khi ký giấy vay một thời gian thì ngày 06/9/2018 ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị H trả được 200.000.000đ tiền gốc, hai bên chốt lãi đến ngày 06/9/2018 là 168.000.000đ. Ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị H trả được 29.220.000đ tiền lãi, còn lại 138.780.000đ tiền lãi chưa trả. Tiếp theo ngày 04/4/2019, ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị H trả được 50.000.000đ tiền gốc; ngày 10/01/2020, trả được 50.000.000đ tiền gốc. Tổng cộng 03 lần trả nợ thì ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị H trả được 300.000.000đ tiền gốc và 29.220.000đ tiền lãi. Nay vợ chồng ông Nguyễn Xuân H, bà Kiều Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị H phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân H, bà Kiều Thị H số tiền gốc còn lại là 100.000.000đ và số tiền lãi, cụ thể như sau: Lãi từ ngày vay 06/4/2016 đến ngày trả số nợ gốc 200.000.000đ (ngày 06/9/2018) là:  $400.000.000đ \times 1,5\%/tháng \times 29 \text{ tháng} = 174.000.000đ$ ; Lãi từ ngày 07/9/2018 đến ngày trả 50.000.000đ (ngày 04/4/2019) là:  $200.000.000đ \times 1,5\%/tháng \times 7 \text{ tháng} = 21.000.000đ$ ; Lãi từ ngày 05/4/2019 đến ngày 10/01/2020 là:  $150.000.000đ \times 1,5\%/tháng \times 9 \text{ tháng} = 20.250.000đ$ ; Lãi từ ngày 11/01/2020 đến ngày tòa án giải quyết xong vụ án, trừ đi số lãi mà ông H1, bà H1 đã trả là 29.220.000đ.

Tại đơn đề nghị mở lại phiên tòa ngày 07/10/2021, nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải trả toàn bộ số nợ trên.

Ngày 26/10/2021, bà H1 và bà H đã thỏa thuận là bà H1 sẽ trả cho bà H số tiền 170.000.000đ, hai bên sẽ thống nhất hết nợ và bà H sẽ rút đơn khởi kiện. Việc thỏa thuận không viết giấy tờ gì và chưa được sự đồng ý của ông Nguyễn Xuân H. Sau khi thỏa thuận thì bà H1 có trả cho bà H được 150.000.000đ, còn lại 20.000.000đ bà H yêu cầu bà H1 viết giấy nhận nợ hẹn đến ngày nào đó phải trả dứt điểm nhưng bà H1 không đồng ý nên việc thỏa thuận không thành. Ông Nguyễn Xuân H, bà Kiều Thị H không yêu cầu bà H1 phải trả số tiền vay gốc (vì đã trả hết), ông Nguyễn Xuân H, bà Kiều Thị H yêu cầu bà H1 phải trả số tiền lãi như đã nêu trên, riêng đối với khoản vay lãi trên số tiền gốc còn lại sau cùng là 100.000.000đ thì ông Nguyễn Xuân H, bà Kiều Thị H chỉ yêu cầu thời gian trả lãi là đến ngày 26/10/2021 và trừ đi thêm số tiền lãi 50.000.000đ bà H1 đã trả vào

ngày 26/10/2021 (ngày trả số tiền 150.000.000đ, trong đó trả vào tiền gốc còn lại là 100.000.000đ, còn 50.000.000đ là tính trả vào tiền lãi). Ngoài ra ông Nguyễn Xuân H, bà Kiều Thị H không có yêu cầu nào khác.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Vợ chồng ông Nguyễn Xuân H, bà Kiều Thị H có gửi vợ chồng bà 12 tấn cà phê nhân khô loại cà phê Robusta, sau đó do không có cà phê trả nên vợ chồng bà cùng vợ chồng Nguyễn Xuân H, bà Kiều Thị H thống nhất chuyển sang tiền vay, theo đó vợ chồng bà có ký vay của vợ chồng ông Nguyễn Xuân H, bà Kiều Thị H số tiền là 400.000.000đ, lãi suất vay và thời hạn trả nợ như nguyên đơn trình bày là hoàn toàn đúng. Quá trình ký vay thì vợ chồng bà có trả cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân H, bà Kiều Thị H 03 lần tiền được 300.000.000đ nợ gốc và 29.220.000đ tiền lãi như nguyên đơn trình bày là đúng. Nay, vợ chồng ông Nguyễn Xuân H, bà Kiều Thị H khởi kiện vợ chồng bà yêu cầu vợ chồng bà trả số nợ gốc là 100.000.000đ và tiền lãi như nguyên đơn trình bày thì vợ chồng bà đồng ý trả số nợ gốc là 100.000.000đ, còn nợ lãi thì bà đồng ý trả theo thời gian và số tiền gốc tính lãi như nguyên đơn yêu cầu, nhưng đối với % tính lãi thì bà chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn theo mức lãi suất là 7%/năm.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì đến ngày 27/10/2021, bà H1 và bà H có thỏa thuận là bà trả cho bà H tổng số tiền 170.000.000đ là hết nợ. Việc thỏa thuận không viết giấy tờ mà chỉ nhắn tin qua điện thoại. Sau khi thỏa thuận thì bà có mang trả cho bà H được 150.000.000đ, còn lại 20.000.000đ bà hẹn đến cuối năm 2021 sẽ trả nốt. Tuy nhiên sau khi bà trả cho bà H số tiền 150.000.000đ thì bà H không giữ đúng lời hứa, không chịu rút đơn khởi kiện mà vẫn đề nghị Tòa án giải quyết.

Do hai bên đã thống nhất thỏa thuận bà trả 170.000.000đ là hết nợ và bà đã trả được 150.000.000đ nên bà chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền 20.000.000đ, bà không đồng ý trả số tiền lãi theo yêu cầu của ông Nguyễn Xuân H, bà Kiều Thị H. Khoản vay này là bà tự ký vay với vợ chồng Nguyễn Xuân H, bà Kiều Thị H, không liên quan đến chồng bà là ông Nguyễn Thanh H nên bà sẽ có trách nhiệm tự trả toàn bộ số nợ trên cho ông Nguyễn Xuân H, bà Kiều Thị H.

*Tại đơn xin hoãn phiên tòa ngày 06/10/2021, đồng bị đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày:* Ông không có vay tiền gì của vợ chồng ông Nguyễn Xuân H, bà Kiều Thị H, yêu cầu ông Nguyễn Xuân H, bà Kiều Thị H phải xuất trình giấy tờ có tên và chữ ký của ông thì ông đề nghị Tòa án cho giám định chữ ký, chữ viết vì ông không có viết giấy vay tiền của ông Nguyễn Xuân H, bà Kiều Thị H. Việc vay mượn tiền giữa vợ ông và ông Nguyễn Xuân H, bà Kiều Thị H ông không biết, số tiền này bà H1 không đem về để chi tiêu sinh hoạt gia đình.

Tòa án đã tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 30/8/2021 nhưng không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 88/DS-ST ngày 01-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện L đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Xuân H, bà Kiều Thị H về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” với vợ chồng ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị H. Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân H, bà Kiều Thị H số tiền lãi suất là 155.105.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu một trăm linh năm ngàn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 03/12/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bà chỉ trả thêm cho ông Xuân H, bà H số tiền 20.000.000 đồng theo như thỏa thuận.

Tại phiên toà hôm nay: bà H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; bà Diện đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bà H1, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bà H1. Căn cứ khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, sửa bản án sơ thẩm, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và một phần lãi suất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc nguyên đơn gửi bị đơn 12 tấn cà phê nhân khô loại Robusta, sau đó nguyên đơn chốt giá bán nhưng bị đơn đã bán toàn bộ số cà phê trên. Vì vậy, ngày 16/4/2016 hai bên thống nhất quy cà phê thành tiền là 400.000.000 đồng và chuyển sang tiền vay với lãi suất 1.5%/tháng, hạn trả là 30/12/2016. Do bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã trả được một phần nợ gốc và lãi nên bị đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà H1 thì thấy rằng:

Theo bà H1 ngày 27/10/2021 bà và bà H đã thỏa thuận bà trả 170.000.000 đồng là hết nợ, bà đã trả 150.000.000 đồng nên chỉ đồng ý trả tiếp 20.000.000 đồng. Việc thỏa thuận trả nợ như bà H1 trình bày là có thật, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cũng thừa nhận. Tuy nhiên, khoản tiền vợ chồng ông H1, bà H1 nợ vợ chồng ông Xuân Hải, bà H nhưng việc thỏa thuận chưa có sự đồng ý của ông Xuân Hải. Bà H1 cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh ông Xuân Hải thống nhất trả 170.000.000 đồng là hết nợ. Hơn nữa, sau khi thỏa thuận thì bà H1 cũng chưa trả đủ số tiền 170.000.000 đồng như đã thỏa thuận. Do đó, cấp sơ thẩm đã buộc bà H1 phải trả tiền lãi cho vợ chồng ông Xuân Hải, bà H là có căn cứ.

Trong Giấy vay tiền các bên có thỏa thuận cụ thể về mức lãi suất là 1,5%/tháng (18%/năm). Giấy vay tiền được xác lập năm 2016 là thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực thi hành nên cần áp dụng Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất và phạt vi phạm để xem xét, tính toán về lãi suất là phù hợp.

Theo đó lãi suất được tính toán như sau:

+ Lãi suất từ ngày vay (06/4/2016) đến ngày 31/12/2017 là:  $400.000.000đ \times 9\%/năm \times 150\% \times 08 \text{ tháng } 25 \text{ ngày} = 39.750.000đ$

+ Lãi suất từ ngày 01/01/2017 đến ngày trả 200.000.000đ nợ gốc (ngày 06/9/2018) là:  $400.000.000đ \times 1,5\%/tháng \times 20 \text{ tháng } 05 \text{ ngày (từ ngày 01/01/2017 đến ngày 06/9/2018)} = 121.000.000đ$ ;

+ Lãi suất vay từ ngày 07/9/2018 đến ngày trả 50.000.000đ tiền gốc (ngày 04/4/2019) là:  $200.000.000đ \times 1,5\%/tháng \times 6 \text{ tháng } 27 \text{ ngày (từ ngày 07/9/2018 đến ngày 04/4/2019)} = 20.700.000đ$ ;

+ Lãi suất từ ngày 05/4/2019 đến ngày 10/01/2020 (ngày trả số tiền gốc 50.000.000đ lần 2) là:  $150.000.000đ \times 1,5\%/tháng \times 9 \text{ tháng } 05 \text{ ngày (từ ngày 05/4/2019 đến ngày 10/01/2020)} = 20.625.000đ$ ;

+ Lãi suất từ ngày 11/01/2020 đến ngày trả hết số nợ gốc còn lại 100.000.000đ (Ngày 26/10/2021) là: Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 01/11/2021) là:  $100.000.000đ \times 1,5\%/tháng \times 21 \text{ tháng } 15 \text{ ngày (từ ngày 11/01/2020 đến ngày 26/10/2021)} = 32.250.000đ$ .

Tổng cộng số tiền lãi suất là  $39.750.000đ + 121.000.000đ + 20.700.000đ + 20.625.000đ + 32.250.000đ = 234.325.000đ$ .

Bà H1 đã trả được tổng cộng 79.220.000đ tiền lãi nên cần buộc bà H1 phải trả tiếp cho ông Nguyễn Xuân H, bà Kiều Thị H số tiền lãi còn lại là  $234.325.000đ - 79.220.000đ = 155.105.000đ$ .

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận bị đơn đã trả toàn bộ tiền nợ gốc, nguyên đơn không yêu cầu trả nợ gốc, chỉ yêu cầu thanh toán tiền lãi. Do đó, cần đình chỉ giải quyết đối với số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và một phần tiền lãi.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà H1. Sửa bản án sơ thẩm như đã nhận định.

[3] Về án phí: Bà H1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H. Sửa bản án sơ thẩm.  
Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền gốc 100.000.000đ và một phần tiền lãi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Xuân H, bà Kiều Thị H về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” với vợ chồng ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị H. Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân H, bà Kiều Thị H số tiền lãi suất là 155.105.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu một trăm linh năm ngàn đồng).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

**3. Về án phí:**

Buộc bà Nguyễn Thị H phải nộp 7.755.000đ (Bảy triệu bảy trăm năm mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002814 ngày 17-12-2021 của Chi cục THA dân sự huyện L. Bà H1 còn phải nộp số tiền 7.755.000đ (Bảy triệu bảy trăm năm mươi lăm ngàn đồng) án phí.

Hoàn trả cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân H, bà Kiều Thị H số tiền 7.700.000đ (Bảy triệu bảy trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0015308 ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TANDTC (01);
- VKSND tỉnh LD (01);
- TAND H. L (02);
- Phòng KTNV&THA (01);
- Các đương sự (04);
- Lưu AV – HS (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Vũ Thị Nguyệt**

